



Chất lượng tạo nên credit

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Tại ngày 30/06/2015

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**

**Trụ sở chính:** Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,  
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Tel:** (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

**Email:** thanglongkiemtoan@gmail.com

**Website:** www.kiemtoanhanglongtdk.com

**MỤC LỤC**

**Trang**

**STT**

**NỘI DUNG**

---

- |    |                                 |        |
|----|---------------------------------|--------|
| 1. | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC   | 1 - 2  |
| 2. | BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP       | 3      |
| 3. | BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 4 - 10 |





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 686/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp trên cơ sở Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam cũ.

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

### **Các đơn vị trực thuộc**

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo**

### **Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Ninh Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên

### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Thanh Định	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO CHỈ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015.



**Cao Thanh Định**

**Tổng Giám đốc**

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2015





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSITT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11, Q. Gò Vấp, Tp HCM - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464  
Chi nhánh Đồng Nai : E180 đường Võ Thị Sáu, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Tel: 061 3918 767 - Fax: 061 3918 767  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, Tp Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868  
Chi nhánh Đồng Bắc : Số 319 đường Bà Triệu, Tp Lạng Sơn - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 125.2/2015/BCKT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 30/06/2015.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam được lập ngày 09 tháng 07 năm 2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 10 đính kèm.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trong yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán”.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



**TỪ QUỲNH HẠNH**

**LƯU ANH TUẤN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

Số: 1026-2014-045-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế  
Việt Nam  
Số:  
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về “chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU HẰNG



Ko Thi Quỳnh Anh



CAO THANH ĐỊNH



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2015

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	<b>Nguồn vốn</b>	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	60.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ (điều chỉnh giảm vốn khả dụng)	0		
4	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	98.746.659		
6	Quỹ dự phòng tài chính	21.943.702		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	8.505.763.342		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		2.685.857.010	0
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>	<b>65.940.596.693</b>		
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5</i>		0	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
1	Phải thu khách hàng			
	<i>Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		192.030.314	
2	Trả trước cho người bán		36.767.330	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			



	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
5	Các khoản phải thu khác			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			0
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		469.005.483	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		453.188.636	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		5.386.040.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>6.537.031.763</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			0
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
4	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			0
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			



<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>4.004.074.341</b>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
1	Đầu tư vào công ty con		0
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8		
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5		
4	Đầu tư dài hạn khác		900.000.000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.350.975.653</b>
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		0
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>6.255.049.994</b>
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>	<b>53.148.514.936</b>	

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Đơn vị tính: VND

**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			20.339.298.741	-
1	Tiền mặt( VND)	0%	259.746	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	20.339.038.995	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi			
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
6	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRB	5%	-	-
7	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm.	8%	-	-
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới năm.			
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên.			
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				<b>900.000</b>



8	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	3.600.000	900.000
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>28.889.207.350</b>	<b>11.140.622.940</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	14.186.100	1.418.610
9	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	1.795.700	269.355
10	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	613.726.900	122.745.380
11	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	15.567.798.650	4.670.339.595
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	12.691.700.000	6.345.850.000
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>3.956.689</b>	<b>1.978.345</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50%	3.956.689	1.978.345
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				-
18	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	.....		-	-
	.....		-	-
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>11.143.501.285</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	
<b>I</b>	<b>Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	28.608.217.581	2.288.657.406
<b>II</b>	<b>Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>						<b>Giá trị rủi ro</b>
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						-
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						-
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%						-
4	Từ 60 ngày trở đi	100%						7.108.135.643
<b>III</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>	<b>Mức tăng thêm</b>						<b>Giá trị rủi ro</b>
	<b>Chi tiết từng khoản vay, đối tác</b>							
1		30%						-
		30%						-
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>								<b>9.396.793.049</b>

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>28.465.542.868</b>
	<i>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</i>	<b>2.948.752.218</b>
	1. Chi phí khấu hao	3.051.574.796
<b>II.</b>	<b>2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>	<b>(102.822.578)</b>
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)</b>	<b>25.516.790.650</b>
<b>IV.</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>6.379.197.663</b>
<b>V.</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max (IV, V))</b>		<b>7.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>27.540.294.334</b>

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

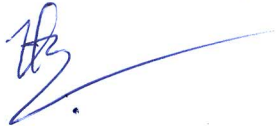
STT	Các chỉ tiêu	Giá trị RR/ vốn KD	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	11.143.501.285	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	9.396.793.049	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	<b>27.540.294.334</b>	
5	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>53.148.514.936</b>	
6	<b>Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)</b>	<b>192,98%</b>	

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc




NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Võ Thị Quỳnh Anh



CAO THANH ĐỊNH